

Bản án số: 84/2017/HNGĐ-ST

Ngày 14-9-2017

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Mỹ Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Ngọc;

2. Ông Lê Phú Tâm.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An tham gia phiên toà: Ông Phan Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:233/2017/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2017 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số83/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1983; Thường trú: xóm L, xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An; Tạm trú: 18B/22, khu phố T, phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1981; Thường trú: ấp 1, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang; Tạm trú: 18B/22, khu phố T, phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 15 tháng 3 năm 2017, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên toà nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Thanh T có thời gian tìm hiểu nhau khoảng 01 năm thì tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 16, quyền số 01/2007 ngày 27/6/2007.

Sau khi kết hôn, vợ chồng thuê nhà sống tại nhiều địa phương khác nhau: Long An, Thành phố Hồ Chí Minh Đầu năm 2016, vợ chồng về thị xã D , tỉnh Bình Dương thuê nhà sinh sống. Thời gian này vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn , thường xuyên cãi vã . Nguyên nhân mâu thuẫn do kinh tế khó khăn , mặt khác anh T nghiện ma túy, có nhiều mối quan hệ, làm ăn phức tạp . Chị và anh T ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Do mâu thuẫn vợ chồng kéo dài không thể hàn gắn được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị N và anh T không có con chung.

Về tài sản chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn anh Nguyễn Thanh T:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành niêm yết thông báo thụ lý vụ án tại địa chỉ cư trú nơi anh T có đăng ký tạm trú và yêu cầu anh T có ý kiến trả lời bằng văn bản đối với các yêu cầu của chị N nhưng anh T không có ý kiến gì. Trong quá trình giải quyết vụ án anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào các ngày 14/7/2017 và 03/8/2017 nhưng anh T vắng mặt không có lý do; đồng thời cũng không có ý kiến và không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ gì thể hiện việc đồng ý hay không đồng ý với các yêu cầu khởi kiện của chị N. Do đó, vụ án không tiến hành hòa giải được.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về tố tụng, quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Nguyễn Thanh T vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng nhưng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Về nội dung vụ án, chị Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Thanh T là có căn cứ để chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Nguyễn Thị N khởi kiện anh Nguyễn Thanh T yêu cầu được ly hôn nên đây là vụ án tranh chấp ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 (BLTTDS). Bị đơn có nơi cư trú tại phường D, thị xã D nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2] Bị đơn anh Nguyễn Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa vào ngày 28/8/2017 và ngày 14/9/2017 nhưng cả hai lần anh T đều vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ vào Điều 228 BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Thanh T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 16, quyển số 01/2007 ngày 27-6-2007 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[4] Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, chị N xác định trong cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Nguyên nhân mâu thuẫn là do khó khăn về kinh tế. Anh T bị nghiện ma túy và đã bỏ đi nơi khác sinh sống, chị và anh T đã ly thân từ tháng 5-2016 cho đến nay. Hiện nay anh T nghiện ma túy, chỗ ở không ổn định, công việc có nhiều mối quan hệ phức tạp; đồng thời anh T cũng không có trách nhiệm và không quan tâm đến gia đình. Điều này chứng tỏ cuộc sống hôn nhân của chị N và anh T không thể kéo dài, mâu thuẫn đã thật sự trầm trọng. Việc anh T nghiện ma túy và chỗ ở không ổn định theo trình bày của chị N cũng được xác nhận bởi chính quyền địa phương theo biên bản xác minh tại Công an phường Dĩ An ngày 29-5-2017.

[5] Về phía anh T, sau khi Tòa án thụ lý vụ án và nhiều lần triệu tập anh T đến tham gia phiên hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh T không đến Tòa án, điều này chứng tỏ tình cảm vợ chồng đã thực sự không còn và cả hai bên đều không muốn hàn gắn, nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân này cũng không đạt được mục đích. Chị N xin ly hôn là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

[6] Về con chung: Chị N và anh T không có con chung.

[7] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[8] Ý kiến của đại diện Viện K kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[10] Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Thanh T (Giấy chứng nhận kết hôn số 16, quyền số 01/2007 ngày 27-6-2007 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang cấp).

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Thanh T không có con chung.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung : Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009162 ngày 07-4-2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

5. Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự (2);
- VKSND thị xã Dĩ An (1);
- CC THADS thị xã Dĩ An (1);
- TAND tỉnh Bình Dương (1);
- UBND xã T,
huyện T, tỉnh Tiền Giang (01);
- Lưu VT, hồ sơ vụ án (2).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mỹ Thanh